Vietnam Tariff Intelligence

Détail du SH 9818.20

Code SH	9818.20
Description	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm chất lỏng, không lắp dụng cụ đo lường:
Unité	
Généré le	31/10/2026 04:07:59
Version des données	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Statut de vérification	Données tarifaires vérifiées par rapport au fichier source ; conseils/correspondances indicatifs ; éligibilité ALE non vérifiée.
Lien	https://vietnamtariff.com/hs-code/981820/

7 lignes tarifaires sous 9818.20

Code SH	Description	Unité	Droit d'importation ordinaire	MFN	VAT
9818.20.10	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm chất lỏng, không lắp dụng cụ đo lường: / - - Bơm nước bằng tay		5%	0%	Aucune donnée
9818.20.21	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm nước hoặc bơm nhiên liệu, dùng cho động cơ đốt trong kiểu piston: / - - Loại ly tâm		5%	0%	Aucune donnée
9818.20.21	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm nước hoặc bơm nhiên liệu, dùng cho động cơ đốt trong kiểu piston: / - - Loại ly tâm		5%	0%	Aucune donnée
9818.20.29	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm nước hoặc bơm nhiên liệu, dùng cho động cơ đốt trong kiểu piston: / - - Loại khác, trừ loại chuyển động tịnh tiến hoặc chuyển động quay		5%	0%	Aucune donnée
9818.20.31	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm ly tâm khác: / - - Bơm nước một tầng, một chiều hút, trục ngang được truyền động bằng dây đai hoặc khớp nối trực tiếp, trừ loại bơm đồng trục với động cơ: / - - - Với đường kính cửa hút không quá 200mm		5%	0%	Aucune donnée
9818.20.39	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm ly tâm khác: / - - Bơm nước một tầng, một chiều hút, trục ngang được truyền động bằng dây đai hoặc khớp nối trực tiếp, trừ loại bơm đồng trục với động cơ: / - - - Loại khác		5%	0%	Aucune donnée
9818.20.90	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bộ phận của bơm thuộc phân nhóm 8413.70.11 và 8413.70.19		5%	0%	Aucune donnée

Ce rapport est fourni à titre indicatif ; il est généré à partir des données tarifaires source et des règles de conseil. Il ne constitue pas une décision douanière et ne confirme ni le classement SH, ni l'éligibilité à un ALE, ni la validité juridique. L'utilisateur doit vérifier au regard de la législation en vigueur.